

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản trị tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Y khoa Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH14 ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các Luật sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022;

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 87/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-ĐHYKV, ngày 31/12/2019 về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Vinh;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ.ĐHYKV-QLKH ngày 22/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Y khoa Vinh quy định về hoạt động khoa học công nghệ;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về Quy chế quản trị tài sản trí tuệ tại Trường Đại học Y khoa Vinh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây liên quan đến quy định này đều hết hiệu lực kể từ khi Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường; viên chức, người lao động thuộc Trường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Trang thông tin điện tử (để thông báo);
- Lưu: VT, QLKH&HTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Văn Tuấn

QUY CHẾ QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 357/QĐ-ĐHYKV, ngày 16 tháng 3 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Y khoa Vinh)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản trị tài sản trí tuệ (sau đây gọi là Quy chế) của Trường Đại học Y khoa Vinh được ban hành nhằm thiết lập cơ sở pháp lý cho việc quản lý, tạo lập, xác lập, bảo hộ, khai thác, phát triển và thương mại hóa tài sản trí tuệ được hình thành trong quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và các hoạt động chuyên môn khác của Nhà trường. Đồng thời, Quy chế góp phần khuyến khích hoạt động sáng tạo, nâng cao hiệu quả khai thác các tài sản trí tuệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà trường, các đơn vị và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia tạo lập, quản lý, khai thác hoặc có liên quan đến tài sản trí tuệ được hình thành trong quá trình hoạt động của Trường Đại học Y khoa Vinh, bao gồm:

- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Y khoa Vinh theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường.
- Viên chức, người lao động làm việc tại Trường; cá nhân làm việc theo các hình thức hợp đồng lao động, hợp đồng chuyên môn hoặc các hình thức hợp tác khác với Trường, bao gồm đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, nhân viên hành chính và các đối tượng liên quan khác, không phân biệt hình thức làm việc toàn thời gian, bán thời gian hay theo thời vụ (sau đây gọi chung là người lao động).
- Người học đang theo học tại Trường, bao gồm sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và các đối tượng tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hoặc khóa học do Trường tổ chức (sau đây gọi chung là người học).
- Thực tập sinh, cộng tác viên, chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên thỉnh giảng,



nhà nghiên cứu viên hợp tác và các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ hoặc các hoạt động chuyên môn khác tại Trường theo thỏa thuận hoặc nhiệm vụ được giao.

5. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường cùng tham gia tạo lập tài sản trí tuệ với Trường Đại học Y khoa Vinh theo các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tài sản trí tuệ là các sản phẩm vô hình do trí tuệ, sự sáng tạo và lao động của con người tạo ra. Đây là những tài sản có giá trị kinh tế cao, bao gồm sáng chế, tác phẩm nghệ thuật, nhãn hiệu, kiểu dáng và bí mật kinh doanh. Đối với Nhà trường, tài sản trí tuệ bao gồm:

2. Các loại tài sản trí tuệ

a) *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

b) *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

- *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

- *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

- *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

- *Nhãn hiệu chứng nhận* là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hóa, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

- *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.

Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

- *Chỉ dẫn địa lý* là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

- *Tác phẩm học thuật* là tất cả những tác phẩm có quyền tác giả, là sản phẩm của người lao động giảng dạy, người học hoặc cộng tác viên, bao gồm sản phẩm nghiên cứu, sản phẩm sáng tạo và các kết quả đầu ra khác trong (các) lĩnh vực chuyên môn của họ. Tác phẩm học thuật của trường bao gồm: sách chuyên khảo, giáo trình dành cho bậc đại học và sau đại học, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án, các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo... Tác phẩm học thuật không bao gồm tài liệu khóa học, phần mềm máy tính và cơ sở dữ liệu.

- *Tài liệu khóa học* là tất cả các tài liệu được dùng trong hoặc liên quan đến giảng dạy một chương trình giáo dục thông qua việc cung cấp các bài giảng, hướng dẫn, hội thảo, tọa đàm, thực địa hoặc thí nghiệm, đánh giá, thực hành và các hoạt động giảng dạy khác do Trường thực hiện; và tất cả tài sản trí tuệ đối với các tài liệu này.

- *Tài sản được hình thành thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học & công nghệ (KH&CN) sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN)*: Nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN bao gồm các nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh/ thành phố và cấp cơ sở. Các tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ này bao gồm:

- + Tài sản vật chất trang bị để thực hiện nhiệm vụ.
- + Tài sản trí tuệ là kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ.

Kết quả nghiên cứu bao gồm sáng chế, giải pháp hữu ích, bí quyết kỹ thuật, bí mật kinh doanh, sáng kiến, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên thương mại, chương trình máy tính, thiết kế kỹ thuật, tác phẩm khoa học và các đối tượng khác, gồm cả đối tượng được bảo hộ và không được bảo hộ theo quy định của pháp luật Sở hữu trí tuệ.

2. Quyền sở hữu trí tuệ

a) *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

b) Các loại quyền sở hữu trí tuệ

- *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu, bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản

Quyền nhân thân: Đặt tên cho tác phẩm; Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; Được ghi tên là tác giả trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; Được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, qui trình khám chữa bệnh; Công bố tác phẩm hoặc

10
R
1H
/

cho phép người khác công bố tác phẩm; Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Quyền tài sản: Làm tác phẩm phái sinh; sao chép tác phẩm; phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao ấn phẩm; chuyển giao sản phẩm; cho thuê bản gốc hoặc bản sao ấn phẩm;

- *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

- *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

c) *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ* là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

d) *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

e) *Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ* là việc thực hiện các hoạt động nhằm tạo lập, phát triển, khai thác, bảo vệ tài sản trí tuệ của Trường và các tài sản trí tuệ khác được khai thác, sử dụng trong hoạt động Trường.

CHƯƠNG II.

TÀI SẢN TRÍ TUỆ VÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 4. Các loại hình tài sản sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Y khoa Vinh

Tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường Đại học Y khoa Vinh, gồm các kết quả của hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực bất kỳ ở Trường mà quyền pháp lý đối với các kết quả đó có thể đạt được hoặc được thực thi theo quy định pháp luật. Tài sản trí tuệ của Trường có thể bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở:

- Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết của các môn học, học phần sử dụng trong đào tạo các loại hình, các hệ bậc của Trường;

- Các tác phẩm viết, bao gồm: bài báo, báo cáo hội nghị, hội thảo và các tài liệu có liên quan, bao gồm bản nháp, bộ dữ liệu và sổ ghi chép phòng thí nghiệm; luận án, luận văn, khóa luận;

- Các giáo trình, sách tham khảo, sổ tay hướng dẫn, sách điện tử, giáo trình điện tử, bài giảng điện tử của Trường;

- Bản ghi âm, phim, chương trình phát sóng, tác phẩm đa phương tiện, ảnh chụp, tranh và các tác phẩm khác được tạo ra với sự trợ giúp về nguồn lực hoặc phương tiện của Trường;

- Phần mềm máy tính, tài liệu thiết kế chuẩn bị cho chương trình máy tính, phần sụn (firmware), phần mềm dạy học (courseware) và tài liệu có liên quan;

- Các kết quả nghiên cứu; bằng độc quyền sáng chế/ giải pháp hữu ích;

- Kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu;

- Bí mật thương mại, thông tin bí mật;

- Bí quyết, thông tin và dữ liệu liên quan đến các đối tượng nêu trên;

- Công trình bất kỳ khác do Trường thực hiện mà không được nêu trên đây

Điều 5. Quyền sở hữu, quyền đăng ký và quyền sử dụng tài sản trí tuệ

1. Trường Đại học Y khoa Vinh là chủ sở hữu và có quyền sở hữu, quyền đăng ký và quyền sử dụng đối với các tài sản trí tuệ:

a) Được tạo ra bởi người lao động, người học theo nhiệm vụ được giao trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

b) Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng ký kết giữa Trường với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường, mà trong hợp đồng có quy định các tài sản trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Y khoa Vinh, trừ trường hợp các hợp đồng này có quy định khác.

c) Được các cơ quan có thẩm quyền chỉ định phân cấp hoặc chuyển giao cho Trường đứng tên sở hữu.

d) Được các chủ thể khác là chủ sở hữu hợp pháp đối với các tài sản trí tuệ chuyển nhượng hoặc tặng cho Trường.

2. Trường Đại học Y khoa Vinh là đồng chủ sở hữu và có quyền đồng sở hữu, quyền đăng ký và quyền sử dụng (với một hoặc nhiều chủ thể khác) đối với các tài sản trí tuệ:

a) Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh và các loại hợp đồng khác

b) Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ. Trong đó, Đại học Y khoa Vinh là bên tài trợ trừ trường hợp hợp đồng có quy định khác.

3. Phương thức xác định tỷ lệ quyền sở hữu, quyền đăng ký và quyền sử dụng trong từng trường hợp được xác định thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản dựa theo tỷ lệ đóng góp của các bên, trên cơ sở nguyên tắc hợp tác bền vững, các bên cùng có lợi.

4. Trong trường hợp một đồng sở hữu có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình thì Trường Đại học Y khoa Vinh và các đồng sở hữu còn lại được quyền

ưu tiên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tác giả, đồng tác giả với tài sản trí tuệ trường

1. Viên chức, người lao động, người học và các cá nhân khác trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tài sản trí tuệ của Trường là tác giả hoặc đồng tác giả của tài sản trí tuệ đó.

2. Tác giả, đồng tác giả đối với tài sản trí tuệ của Trường được hưởng các quyền nhân thân theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, được hưởng nhuận bút, thù lao và các quyền lợi vật chất theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hoặc theo hợp đồng đã giao kết. Trường hợp không có thỏa thuận hoặc Quy chế chi tiêu nội bộ không có quy định thì tác giả, đồng tác giả được hưởng các lợi ích vật chất theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ của viên chức, người lao động

1. Viên chức, người lao động của Trường là chủ sở hữu đối với những tài sản trí tuệ do họ sáng tạo ra bằng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật của mình khi không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

2. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của viên chức, người lao động thì phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Trung tâm Học liệu thư viện, Phòng QLKH&HTQT được quyền lưu giữ bản gốc các công trình khoa học sau đây của viên chức, người lao động theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Quy chế này với mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học:

- a) Đề tài nghiên cứu khoa học do Trường là cơ quan chủ trì;
- b) Sách chuyên khảo;
- c) Bài viết Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm khoa học do Trường và các đơn vị thuộc Trường tổ chức hoặc đồng tổ chức;
- d) Bài viết đăng trên Tạp chí, Chuyên san, Cổng thông tin điện tử của Trường.

Điều 8. Quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ của người học

1. Người học là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ do họ sáng tạo ra trong hoạt động học tập, nghiên cứu tại Trường như: khóa luận, luận văn, luận án, tiểu luận, bài tập, bài báo khoa học, công trình nghiên cứu khoa học và các tài sản trí tuệ khác, trừ trường hợp tài sản trí tuệ được tạo ra do Trường hoặc bên thứ ba đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất.

2. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của người học thì phải xin phép và trả thù lao, các quyền lợi vật chất khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Học liệu thư viện, Phòng QLKH&HTQT tùy thuộc vào nhiệm vụ quản lý của mình được quyền lưu giữ bản gốc các công trình khoa học sau đây:

- a) Khóa luận, luận văn, luận án;
- b) Đề tài nghiên cứu khoa học của người học được thực hiện trong Trường
- c) Bài viết của người học tại Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm khoa học do Trường tổ chức hoặc đồng tổ chức;
- d) Bài viết của người học đăng trên Tạp chí, Chuyên san, Cổng thông tin điện tử của Trường.

Điều 9. Quyền công bố đối với tài sản trí tuệ

1. Trường có quyền công bố đối với tài sản trí tuệ là kết quả nghiên cứu mà Trường là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu, không phụ thuộc vào tỷ lệ đóng góp nguồn lực tạo ra tài sản trí tuệ, trừ trường hợp các bên tham gia có thỏa thuận khác.

2. Trong trường hợp Trường không thực hiện việc công bố tác phẩm trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi tác phẩm đủ điều kiện công bố, trừ trường hợp do trở ngại khách quan hoặc có thỏa thuận khác thì tác giả hoặc các đồng tác giả của tác phẩm được thực hiện quyền công bố sau khi thông báo cho Trường bằng văn bản.

Điều 10. Quyền làm tác phẩm phái sinh

1. Tác phẩm phái sinh là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn. Tổ chức, cá nhân bao gồm cả tác giả, khi làm tác phẩm phái sinh từ kết quả nghiên cứu mà Trường là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu phải được sự chấp thuận của Trường.

2. Việc công bố và khai thác quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh đó phải được Trường chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG III.

TRÁCH NHIỆM THAM GIA QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 11. Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế

1. Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế là đơn vị đầu mối quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường, thực hiện chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng các vấn đề chuyên môn và phối hợp với các đơn vị thuộc Trường thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản trí tuệ.

2. Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế có nhiệm vụ:

- a) Tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ;
- b) Tham mưu xây dựng văn bản quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường;

- c) Tổ chức việc ghi nhận, khai báo, quản lý tài sản trí tuệ của Trường;
- d) Tổ chức, thực hiện việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ;
- e) Giám sát việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong Trường; là đầu mối tổ chức hòa giải tranh chấp về sở hữu trí tuệ trong Trường.
- g) Tổ chức khai thác thương mại tài sản trí tuệ (nếu có);

Điều 12. Các khoa, phòng, ban, Trung tâm thuộc và trực thuộc Trường

1. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường có nhiệm vụ phối hợp với Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế thực hiện các nhiệm vụ:

- a) Phát hiện và thông báo kịp thời các tài sản trí tuệ được tạo ra trong khuôn khổ hoạt động của Đơn vị;
- b) Yêu cầu viên chức, người lao động, người học trong phạm vi quản lý của đơn vị tiến hành hoạt động ghi nhận, khai báo các tài sản trí tuệ mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành;
- c) Cung cấp thông tin và hỗ trợ Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế thực hiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ do đơn vị tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy chế này;
- d) Hỗ trợ Phòng QLKH&HTQT xúc tiến việc khai thác thương mại tài sản trí tuệ do đơn vị tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy chế này;
- đ) Có các biện pháp phòng, chống việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của đơn vị;

2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hiệu trưởng nếu có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể khác.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Trung tâm Học liệu Thư viện trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường

1. Trung tâm học liệu Thư viện thực hiện các quyền và nhiệm vụ sau:

- a) Xây dựng nội quy của Trung tâm học liệu Thư viện đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ;
- b) Xây dựng, lưu giữ, bảo quản, phát triển, khai thác tài nguyên thông tin là các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường, của viên chức, người lao động, người học và các chủ thể tham gia vào hoạt động đào tạo, nghiên cứu với Trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ được Trường giao và theo quy định của pháp luật;
- c) Được chuyển dạng, số hóa tài nguyên thông tin là các tài liệu thuộc quyền sở hữu của Trường để phục vụ cho việc lưu giữ, cung cấp tài nguyên thông tin cho người sử dụng. Đối với tài nguyên thông tin là các tài sản trí tuệ của viên chức, người lao động, người học và các chủ thể khác, Trung tâm học liệu Thư viện được chuyển dạng, số hóa

khi được sự đồng ý của chủ sở hữu bằng văn bản;

d) Phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật sở hữu trí tuệ và vi phạm Nội quy của Trung tâm học liệu Thư viện.

2. Mọi hoạt động của Trung tâm học liệu Thư viện phải đảm bảo tuân thủ Quy chế này, quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ Đặc san, Nội san, Tạp chí Nhà trường và Cổng thông tin điện tử trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường

1. Đặc san, Nội san, Tạp chí, Cổng thông tin điện tử có quyền công bố, sao chép, lưu trữ, phân phối các tác phẩm đã được đăng tải trên Tạp chí, Cổng thông tin điện tử; truyền đạt tác phẩm đến công chúng thông qua mạng internet.

2. Mọi hoạt động của Đặc san, Nội san, Tạp chí, Cổng thông tin điện tử phải đảm bảo tuân thủ Quy chế này, quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Các tác giả khi gửi bài viết đến Đặc san, Nội san, Tạp chí, Cổng thông tin điện tử phải chịu trách nhiệm về quyền tác giả của mình. Đặc san, Nội san, Tạp chí, Cổng thông tin điện tử không chịu trách nhiệm trong trường hợp tác phẩm do tác giả gửi đăng bị khiếu nại, tranh chấp liên quan đến quyền tác giả.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của viên chức, người lao động, người học và các cá nhân, tổ chức khác liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường

1. Viên chức, người lao động, người học và các cá nhân, tổ chức khi học tập, nghiên cứu tại Trường có các quyền liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Trường.

2. Viên chức, người lao động, người học và các cá nhân, tổ chức khi học tập, nghiên cứu tại Trường có nhiệm vụ:

a) Phát hiện, khai báo, ghi nhận kịp thời và đầy đủ về các tài sản trí tuệ mới phát sinh trong phạm vi hoạt động, nhiệm vụ hay công việc được giao;

b) Đối với tài sản trí tuệ mà Trường là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu, viên chức, người lao động chỉ được công bố khi Trường chấp thuận;

c) Khi khai thác, sử dụng tài sản trí tuệ của các tổ chức, cá nhân khác thì phải xin phép và trả nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu, trừ các trường hợp được sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao quy định tại Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ 2022;

3. Viên chức, người lao động, người học và các cá nhân, tổ chức khác phải tôn trọng và tuân thủ Quy chế này, quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật có liên quan, trong trường hợp vi phạm thì phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 16. Nghĩa vụ bảo mật thông tin của các chủ thể hoạt động sở hữu trí tuệ

Cá nhân, đơn vị thuộc và trực thuộc Trường và những người tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ tại Trường có nghĩa vụ bảo mật các thông tin liên quan đến trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ có khả năng ảnh hưởng đến quyền công bố, xác lập quyền sở hữu trí tuệ và khai thác thương mại tài sản trí tuệ của Trường.

CHƯƠNG IV.

KHAİ THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 17. Nguyên tắc khai thác tài sản trí tuệ của Trường

Việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài sản trí tuệ phải bảo đảm:

- a) Đúng mục đích, đúng thẩm quyền;
- b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, khoa học và công nghệ, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định có liên quan;
- c) Bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và bảo mật của thông tin;
- d) Không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu tài sản trí tuệ và các bên có liên quan.

Điều 18. Sử dụng tài sản trí tuệ của Trường

1. Viên chức, người lao động được tiếp cận, sử dụng các tài sản trí tuệ của Trường trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, dịch vụ và thực hiện các nhiệm vụ được giao phù hợp với quy định của Trường, trừ trường hợp pháp luật hoặc Trường có quy định khác.

2. Người học được tiếp cận, sử dụng các tài sản trí tuệ của Trường trong hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học tại Trường, trừ trường hợp pháp luật hoặc Trường có quy định khác.

3. Tổ chức, cá nhân ngoài trường có hoạt động hợp tác, nghiên cứu, đào tạo, dịch vụ với Trường được sử dụng tài sản trí tuệ của Trường trong quá trình thực hiện công việc theo thỏa thuận hoặc quyết định của Hiệu trưởng.

4. Viên chức, người lao động, người học, tổ chức, cá nhân ngoài trường khi sử dụng tài sản trí tuệ của Trường có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này, quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 19. Sử dụng tên, biểu trưng của Trường

1. Tên, biểu trưng của Trường là tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng tên, biểu trưng của Trường gây ảnh hưởng đến uy tín của Trường.

2. Các tổ chức, cá nhân khi sử dụng tên, biểu trưng của Trường phải được sự cho

phép của Hiệu trưởng, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Cơ quan quản lý nhà nước được sử dụng tên, biểu trưng của Trường trong hoạt động quản lý;
- b) Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường được sử dụng tên, biểu trưng của Trường để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao;
- c) Viên chức, người lao động của Trường được sử dụng tên, biểu trưng của Trường trên danh thiếp, biển tên, trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, dịch vụ và công tác khác theo nhiệm vụ của Trường;
- d) Người học được sử dụng tên, biểu trưng của Trường trên các ấn phẩm bài tập, đề tài nghiên cứu khoa học, tiểu luận, khóa luận, chuyên đề nghiên cứu, luận văn, luận án trong phạm vi nghiên cứu, học tập của mình;
- e) Tổ chức cá nhân là đối tác hợp tác với Trường được sử dụng tên, biểu trưng của Trường trên các phương tiện thông tin, quảng cáo nhằm giới thiệu, quảng bá cho các hoạt động hợp tác với Trường.

Điều 20. Phân chia lợi ích từ việc khai thác tài sản trí tuệ của Trường

1. Việc phân chia lợi ích từ tài sản trí tuệ là sản phẩm của đề tài, đề án, dự án sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo thỏa thuận của các bên hoặc quy định của pháp luật.

2. Đối với sản phẩm là sách, giáo trình, tập bài giảng, tác giả hoặc đồng tác giả được hưởng mức nhuận bút theo quy định trong văn bản quy định về chế độ nhuận bút đối với báo chí, xuất bản và Quy chế chi tiêu nội bộ.

3. Đối với các tài sản trí tuệ không phải là đề tài, đề án, dự án sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo thỏa thuận giữa các bên.

4. Nếu không có thỏa thuận, Quy chế chi tiêu nội bộ hoặc pháp luật không quy định, việc phân chia lợi ích được tiến hành như sau:

a) Thanh toán các chi phí (nếu có), gồm: thuế, phí, lệ phí đăng ký xác lập quyền, trích nộp cơ quan cấp kinh phí, trích nộp Quỹ Phát triển khoa học công nghệ (nếu có) và các chi phí liên quan;

b) Hiệu trưởng quyết định tỷ lệ phân chia lợi ích, sau khi có ý kiến tham mưu của Phòng QLKH&HTQT.

CHƯƠNG V.

BẢO VỆ QUYỀN ĐỐI VỚI TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 21. Các hành vi xâm phạm quyền tác giả

1. Các hành vi xâm phạm quyền nhân thân bao gồm:

- a) Mạo danh tác giả;
- b) Công bố tác phẩm mà không được phép của tác giả hoặc đồng tác giả;
- c) Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả;
- d) Trích dẫn, sao chép tác phẩm mà không ghi hoặc ghi không đầy đủ, chính xác thông tin về tác giả và tác phẩm.

2. Các hành vi xâm phạm quyền tài sản bao gồm:

- a) Chiếm đoạt quyền tác giả: sử dụng hoặc mạo nhận tác phẩm, công trình nghiên cứu, hoặc sáng tạo của người khác là của chính mình
- b) Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ các trường hợp: (i) tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân; (ii) sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu khoa học;
- c) Làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;
- d) Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả, trừ các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ;
- đ) Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả;
- e) Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả;
- g) Phân phối và sử dụng sản phẩm in lậu, in giả, in nổi bản trái phép tại Trường.

3. Các hành vi xâm phạm liên quan đến các biện pháp bảo vệ quyền tác giả bao gồm:

- a) Cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình;
- b) Cố ý xóa, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm;
- c) Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Biện pháp bảo vệ tài sản trí tuệ

1. Các tổ chức, cá nhân nêu tại Điều 1 Quy chế này có trách nhiệm bảo vệ tài sản trí tuệ của Trường. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu hay hành vi xâm phạm quyền đối với tài sản trí tuệ của Trường, các tổ chức, cá nhân cần kịp thời thông báo cho Phòng QLKH&HTQT hoặc đơn vị quản lý trực tiếp để có biện pháp xử lý.

2. Trường tiến hành các biện pháp thích hợp để bảo vệ tài sản trí tuệ của Trường, bao gồm:

- a) Tự bảo vệ tài sản trí tuệ theo quy định của Trường và trên cơ sở pháp luật sở hữu trí tuệ;
- b) Yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;
- c) Khởi kiện ra cơ quan Tòa án nhân dân hoặc Trọng tài thương mại.

Điều 23. Xử lý hành vi xâm phạm và giải quyết tranh chấp quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ trong nội bộ Trường

1. Các đơn vị và các cá nhân thuộc Trường (bao gồm viên chức, người lao động, người học) nếu có hành vi xâm phạm quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ được pháp luật hoặc Quy chế này quy định, tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm, có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định của Trường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Các tranh chấp về quyền đối với tài sản trí tuệ trong nội bộ Trường được khuyến khích giải quyết bằng hoà giải. Trường hợp hoà giải không thành, các cá nhân, tổ chức có liên quan sẽ giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI.
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường có trách nhiệm phổ biến nội dung Quy chế này đến toàn thể viên chức, người lao động, người học và chủ thể khác có liên quan trong phạm vi đơn vị quản lý.
3. Trường hợp pháp luật có thay đổi liên quan đến nội dung của Quy chế này hoặc trong quá trình thực hiện Quy chế này phát sinh vướng mắc, Phòng QLKH&HTQT có trách nhiệm tham mưu với Hiệu trưởng để sửa đổi, bổ sung.

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tuấn

NGHỆ